

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2015

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận**

**Đăng ký doanh nghiệp số** 0100100008

Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 29 tháng 1 năm 2015. Các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên
Ông Lê Đình Ngọc	Ủy viên
Ông Don Di Lam	Ủy viên

**Cơ quan Tổng Giám đốc**

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Phổ	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 4/2/2015)
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Nguyên Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 5/2/2015)
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Giám đốc Điều hành (đến ngày 4/2/2015)
Ông Uông Tiến Thịnh	Giám đốc Điều hành
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Ông Lê Mạc Thuần	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành

**Trụ sở đăng ký**

25 Phố Bà Triệu  
Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam** **Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc

Lê Tiên Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 48. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề lưu ý**

Chúng tôi không đưa ra kết luận ngoại trừ, nhưng lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 1(d) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 1 năm 2015, tuy nhiên, theo Công văn số 2917/BCT-TC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quyết toán cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Công thương đã chấp thuận cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam chọn ngày 31 tháng 12 năm 2014 là thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Do vậy, kỳ kế toán đầu tiên sau khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã áp dụng các nguyên tắc phù hợp với quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như được nêu cụ thể tại Thuyết minh 1(d). Đồng thời, chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc về số liệu so sánh được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh có liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 là số liệu được kế thừa của Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam, do Tập đoàn Dệt May Việt Nam cung cấp và chưa được soát xét.

- Thuyết minh 6(b) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với giá trị là 35.806 triệu VND cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu đang có dấu hiệu giảm giá tại Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May Việt Nam, Công ty TNHH Nhà nước Một Thành Viên Dệt 8-3, Công ty Cổ phần SXKD Nguyên liệu Dệt May Việt Nam và Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM, chủ yếu do các công ty này bị lỗ trong giai đoạn trước cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho rằng việc không trích lập dự phòng đầu tư dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là do giá trị của các khoản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo quyết toán cổ phần hóa do Bộ Tài chính và Bộ Công thương phê duyệt, dự kiến trong Quý 4 năm 2015 theo quy định tại Công văn số 5084/BTC-TCDN ngày 17 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định về cổ phần hóa có liên quan. Theo đó, dựa trên quyết toán cổ phần hóa được phê duyệt, giá trị các khoản đầu tư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 sẽ được điều chỉnh lại tăng hoặc giảm so với giá trị ghi sổ kế toán tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong số lãi hoặc lỗ của đơn vị nhận đầu tư trong giai đoạn trước cổ phần hóa. Phần chênh lệch do đánh giá lại các khoản đầu tư tăng lên hoặc giảm đi sẽ được hạch toán điều chỉnh tương ứng vào khoản phải nộp hoặc phải thu Ngân sách Nhà nước tại ngày 1 tháng 1 năm 2015.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 15-02-149-a



**Đàm Xuân Lâm**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015

**Nguyễn Tâm Anh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 01a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>2.987.160.677.400</b>	<b>2.659.393.395.356</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.249.983.964.901</b>	<b>1.745.124.016.452</b>
Tiền	111		39.173.964.901	40.057.723.784
Các khoản tương đương tiền	112		2.210.810.000.000	1.705.066.292.668
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>129.322.249.999</b>	<b>216.252.500.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	129.322.249.999	216.252.500.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>543.253.036.335</b>	<b>653.291.995.445</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	58.903.538.142	69.761.113.522
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		47.210.736.383	34.143.732.160
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	232.084.388.608	214.584.388.608
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	205.054.373.202	334.802.761.155
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>29.957.929.739</b>	<b>35.233.108.050</b>
Hàng tồn kho	141		29.957.929.739	35.233.108.050
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>34.643.496.426</b>	<b>9.491.775.409</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		650.853.867	1.082.705.917
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		33.491.666.989	6.477.765.892
Thuế và các khoản khác phải thu				
Ngân sách Nhà nước	153	16(a)	500.975.570	1.931.303.600

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>3.336.517.034.053</b>	<b>3.680.098.215.413</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.920.439.859</b>	<b>5.905.439.859</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		591.000.000	594.286.359
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	5.329.439.859	5.311.153.500
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>431.516.977.849</b>	<b>486.270.946.408</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	378.344.061.569	432.454.082.846
Nguyên giá	222		773.947.114.511	840.059.143.619
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(395.603.052.942)	(407.605.060.773)
Tài sản cố định vô hình	227	12	53.172.916.280	53.816.863.562
Nguyên giá	228		63.079.878.600	63.145.078.600
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.906.962.320)	(9.328.215.038)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>335.640.154.559</b>	<b>56.159.731.797</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	335.640.154.559	56.159.731.797
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>2.499.808.181.853</b>	<b>3.060.499.838.317</b>
Đầu tư vào công ty con	251		1.500.678.061.317	2.038.941.137.360
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		871.809.121.918	872.731.729.535
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		138.316.283.618	160.315.431.911
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.995.285.000)	(11.488.460.489)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>63.631.279.933</b>	<b>71.262.259.032</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	63.631.279.933	71.262.259.032
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>6.323.677.711.453</b>	<b>6.339.491.610.769</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.250.690.606.777</b>	<b>1.267.458.407.877</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>804.968.631.663</b>	<b>1.016.068.402.181</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	25.606.500.953	31.815.568.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.405.522.685	8.306.477.565
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	16(b)	3.398.028.132	6.267.581.014
Phải trả người lao động	314		14.069.409.290	23.616.021.130
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	33.122.724.335	38.596.975.314
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	423.455.941.196	812.232.438.269
Vay ngắn hạn	320	19(a)	265.324.073.889	59.601.231.929
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		30.586.431.183	35.632.108.960
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>445.721.975.114</b>	<b>251.390.005.696</b>
Phải trả dài hạn khác	337		458.910.800	1.002.129.600
Vay dài hạn	338	19(b)	445.263.064.314	250.387.876.096
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>5.072.987.104.676</b>	<b>5.072.033.202.892</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>5.030.865.552.676</b>	<b>5.029.911.650.892</b>
Vốn cổ phần	411	21	5.000.000.000.000	4.299.595.911.499
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	4.299.595.911.499
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	730.315.739.393
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		953.901.784	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		953.901.784	-
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>42.121.552.000</b>	<b>42.121.552.000</b>
Nguồn kinh phí	431		42.121.552.000	42.121.552.000
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>6.323.677.711.453</b>	<b>6.339.491.610.769</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Đặng Thị Hải  
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>167.275.930.045</b>	<b>76.363.691.220</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>23</b>	<b>46.352.636</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>167.229.577.409</b>	<b>76.363.691.220</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>147.021.657.969</b>	<b>60.290.261.694</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)</b>	<b>20</b>		<b>20.207.919.440</b>	<b>16.073.429.526</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	68.827.629.207	68.403.740.940
Chi phí tài chính	22	26	11.493.212.748	14.703.819.477
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.994.927.977	13.100.770.539
Chi phí bán hàng	25		3.763.551.931	487.036.590
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	72.222.188.419	74.627.706.440
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 – 22) – (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>1.556.595.549</b>	<b>(5.341.392.041)</b>
Thu nhập khác	31		871.026.047	428.454.885
Chi phí khác	32		1.204.670.592	302.247.518
<b>(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)</b>	<b>40</b>		<b>(333.644.545)</b>	<b>126.207.367</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.222.951.004</b>	<b>(5.215.184.674)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>29</b>	<b>269.049.220</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 – 51)</b>	<b>60</b>		<b>953.901.784</b>	<b>(5.215.184.674)</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Người lập:



**Đặng Thị Hải**  
*Chuyên viên Kế toán*

Người duyệt:



**Phạm Văn Tân**  
*Kế toán trưởng*




**Lê Tiến Trường**  
*Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.222.951.004</b>	<b>(5.215.184.674)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		27.553.201.414	24.632.808.125
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.923.530.683	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(67.429.810.394)	(68.403.740.940)
Chi phí lãi vay	06		8.994.927.977	13.100.770.539
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(27.735.199.316)</b>	<b>(35.885.346.950)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(37.119.819.596)	68.753.939.878
Biến động hàng tồn kho	10		5.275.178.311	(4.833.049.132)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(16.175.236.888)	(9.531.314.068)
Biến động chi phí trả trước	12		5.230.101.005	882.664.034
			<b>(70.524.976.484)</b>	<b>19.386.893.762</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.976.444.977)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(81.600.165)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		84.689.591.180	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(304.867.688.737)	(7.047.553.565)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(301.761.119.183)</b>	<b>12.339.340.197</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*


**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*


	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(281.204.792.682)	(140.429.984.448)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(42.500.000.000)	(40.183.876.339)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		111.930.250.001	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(82.705.195.200)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		387.299.381.422	30.112.500.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		233.016.777.466	226.282.464.881
Tiền giảm do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng			(1.742.623.070)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>406.798.993.137</b>	<b>(6.924.091.106)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		497.300.763.982	181.686.638.552
Tiền trả nợ gốc vay	34		(97.478.689.487)	(43.179.659.334)
Lợi nhuận nộp Ngân sách Nhà nước	36		-	(112.831.135.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>399.822.074.495</b>	<b>25.675.844.218</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>504.859.948.449</b>	<b>31.091.093.309</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.745.124.016.452</b>	<b>713.466.670.616</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>2.249.983.964.901</b>	<b>744.557.763.925</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2015


Người lập:

  
 Đặng Thị Hải  
 Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:

  
 Phạm Văn Tân  
 Kế toán trưởng



  
 Lê Tiến Trường  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC – TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

### **(b) Hoạt động chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn Nhà nước trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn được Chính phủ Việt Nam giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam với các hoạt động chính như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
  - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
  - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
  - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
  - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### **(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 1 năm 2015, tuy nhiên, theo Công văn số 2917/BCT-TC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quyết toán cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Công thương đã chấp thuận cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam chọn ngày 31 tháng 12 năm 2014 là thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Do vậy, kỳ kế toán đầu tiên sau khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã áp dụng các nguyên tắc sau trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Đối với bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh có liên quan, toàn bộ số dư tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu kế thừa của công ty nhà nước trước khi chuyển đổi được ghi nhận là số dư đầu kỳ của công ty cổ phần và được trình bày trong cột số đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2015; và

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh có liên quan, cột kỳ này trình bày số liệu kể từ thời điểm chuyển đổi ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến cuối kỳ báo cáo giữa niên độ đầu tiên, ngày 30 tháng 6 năm 2015. Theo quy định của Thông tư 200, cột kỳ trước trình bày số liệu lũy kế kể từ đầu năm báo cáo đến thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu. Tuy nhiên, do thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu trùng với ngày đầu kỳ của kỳ kế toán đầu tiên, để đảm bảo nguyên tắc có thể so sánh và nhất quán, số liệu so sánh được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh có liên quan là số liệu của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014. Số liệu so sánh này chưa được soát xét.

#### (e) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam:

Tên	Thông tin chính
<ul style="list-style-type: none"><li>Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối</li></ul>	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-019 ngày 17 tháng 11 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
<ul style="list-style-type: none"><li>Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</li></ul>	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300615682 ngày 26 tháng 8 năm 2011 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
<ul style="list-style-type: none"><li>Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Phú Hưng</li></ul>	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-046 ngày 30 tháng 7 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
<ul style="list-style-type: none"><li>Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh (*)</li></ul>	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-047 ngày 16 tháng 4 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
<ul style="list-style-type: none"><li>Nhà máy May Vinatex Kiên Giang (*)</li></ul>	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-048 ngày 1 tháng 6 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(\*) Đây là hai chi nhánh mới thành lập trong kỳ.

Ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã điều chuyển nguyên trạng Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng, một chi nhánh phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho Công ty TNHH Nhà nước Một Thành Viên Dệt 8-3 căn cứ vào Quyết định số 1308/QĐ-TĐDMVN của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 1.623 nhân viên (1/1/2015: 1.204 nhân viên).



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Ngoài ra, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày trong thuyết minh về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(a)).

02/03/15

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tập đoàn Dệt May Việt Nam và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

##### **(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa**

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa, theo quy định tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC (“Thông tư 127”) ngày 5 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải thực hiện định giá lại các khoản đầu tư này tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần 1 tháng 1 năm 2015 và giá trị được định giá lại này sẽ được xác định là giá gốc của các khoản đầu tư khi chuyển giao sang công ty cổ phần. Tuy nhiên, theo Công văn số 5084/BTC-TCDN ngày 17 tháng 4 năm 2015 về việc đánh giá khoản đầu tư tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần, Bộ Tài chính đã chấp thuận việc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa định giá lại các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần, việc định giá này sẽ được thực hiện khi Tập đoàn quyết toán giai đoạn chuyển đổi từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần và sẽ do đoàn đánh giá của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương quyết định, dự kiến trong Quý 4 năm 2015.

Do vậy, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa đang được ghi nhận theo giá trị đã được điều chỉnh theo Quyết định số 4373/QĐ-BCT (“Quyết định 4373”) ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa và Quyết định số 10132/QĐ-BCT (“Quyết định 10132”) ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương sửa đổi Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 4373. Ngoại trừ khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng không lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị thị trường của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### **(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn Dệt May Việt Nam khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### (d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### (e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### (f) Tài sản cố định hữu hình

#### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

### (g) Tài sản cố định vô hình

#### (i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

#### **(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

#### **(i) Chi phí trả trước dài hạn**

##### **(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng 10 đến 40 năm.

##### **(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

##### **(iii) Lợi thế kinh doanh**

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam và được phân bổ không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

#### **(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

#### **(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu**

***(i) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

***(ii) Cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

***(iii) Dịch vụ gia công***

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(o) Doanh thu hoạt động tài chính**

**(i) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(ii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Các công ty liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông là các tổ chức, công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.348.810.025	3.038.389.776
Tiền gửi ngân hàng	36.825.154.876	37.019.334.008
Các khoản tương đương tiền	2.210.810.000.000	1.705.066.292.668
	2.249.983.964.901	1.745.124.016.452

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	129.322.249.999	129.322.249.999	216.252.500.000	216.252.500.000
	129.322.249.999		216.252.500.000	

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5% đến 7% (2014: từ 5% đến 7%) một năm.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2015					1/1/2015				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ Công ty con										
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	51,00%	51,00%	489.901.079.303	-	-	51,00%	51,00%	489.901.079.303	-	-
• Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May (i)	-	-	-	-	-	64,10%	64,10%	334.760.028.098	-	-
• Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam (i)	-	-	-	-	-	100,00%	100,00%	229.498.581.983	-	-
• Công ty TNHH Dệt Kim Đông Phương (ii)	100,00%	100,00%	170.470.316.062	-	-	100,00%	100,00%	164.474.782.024	-	-
• Công ty TNHH NN Một Thành viên Dệt 8-3 (iii)	100,00%	100,00%	173.199.296.963	-	-	100,00%	100,00%	153.199.296.963	-	-
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	71,62%	71,62%	128.581.189.775	-	-	71,62%	71,62%	128.581.189.775	-	-
• Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	10.237.500.000	-	-	68,34%	68,34%	10.237.500.000	-	-
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	124.256.272.579	-	-	57,57%	57,57%	124.256.272.579	-	-
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	77.807.741.359	-	-	53,67%	53,67%	77.807.741.359	-	-
• Công ty Dệt kim Đông Xuân	100,00%	100,00%	115.191.925.340	-	-	100,00%	100,00%	115.191.925.340	-	-
• Công ty Cổ phần Len Việt Nam	67,15%	67,15%	28.990.504.662	-	-	67,15%	67,15%	28.990.504.662	-	-
• Công ty CP SXKD Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	30.360.592.000	-	-	61,63%	61,63%	30.360.592.000	-	-
• Công ty Cổ phần Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	14.300.000.000	-	-	55,00%	55,00%	14.300.000.000	-	-
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	45.056.939.718	-	-	51,00%	51,00%	45.056.939.718	-	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	51,00%	51,00%	35.500.000.000	-	-	51,00%	51,00%	35.500.000.000	-	-
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	53,85%	53,85%	33.231.503.556	-	-	53,85%	53,85%	33.231.503.556	-	-
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	65,54%	65,54%	23.593.200.000	-	-	65,54%	65,54%	23.593.200.000	-	-
			<u>1.500.678.061.317</u>	-	-			<u>2.038.941.137.360</u>	-	-
▪ Công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần May Nhà Bè	27,69%	27,69%	62.062.419.096	-	-	27,69%	27,69%	62.062.419.096	-	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	31.121.544.614	-	-	27,00%	27,00%	31.121.544.614	-	-
• Công ty Cổ phần May Đức Giang	36,79%	36,79%	38.052.066.554	-	-	36,79%	36,79%	38.052.066.554	-	-
• Công ty Cổ phần May Hưng Yên	36,28%	36,28%	41.845.951.106	-	-	36,28%	36,28%	41.845.951.106	-	-
• Tổng Công ty May 10 - Công ty Cổ phần	35,51%	35,51%	52.043.642.821	-	-	35,51%	35,51%	52.043.642.821	-	-
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	47,88%	47,88%	187.356.408.457	-	-	47,88%	47,88%	187.356.408.457	-	-
• Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	175.057.552.325	-	-	46,93%	46,93%	175.057.552.325	-	-
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác			284.269.536.945	-	-			285.192.144.562	-	-
			<u>871.809.121.918</u>	-	-			<u>872.731.729.535</u>	-	-
▪ Đơn vị khác										
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>										
• Ngân hàng TMCP Quốc Dân	3,65%	3,65%	85.763.223.000	(10.995.285.000)	-	3,65%	3,65%	85.763.223.000	(10.995.285.000)	-
• Các khoản đầu tư vào cổ phiếu khác (i)	-	-	-	-	-	-	-	2.103.318.989	(493.175.489)	-
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu</i>										
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	8,59%	8,59%	25.837.929.461	-	-	8,59%	8,59%	25.837.929.461	-	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Phước Long (i)	-	-	-	-	-	18,23%	18,23%	14.812.767.335	-	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	6.667.040.813	-	-	18,02%	18,02%	6.667.040.813	-	-
• Quỹ Đầu tư Việt Nam	0,52%	0,52%	3.261.012.596	-	-	0,67%	0,67%	5.133.075.382	-	-
• Các khoản đầu tư khác			16.787.077.748	-	-			19.998.076.931	-	-
			<u>138.316.283.618</u>	<u>(10.995.285.000)</u>	-			<u>160.315.431.911</u>	<u>(11.488.460.489)</u>	-
			<u>2.510.803.466.853</u>	<u>(10.995.285.000)</u>	<u>(iv)</u>			<u>3.071.988.298.806</u>	<u>(11.488.460.489)</u>	<u>(iv)</u>

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã bán toàn bộ các khoản đầu tư này trong kỳ.
- (ii) Trong kỳ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tăng khoản đầu tư vào Công ty TNHH Dệt Kim Đông Phương lên thêm 5.995 triệu VND từ nguồn được cấp từ Ngân sách Nhà nước.
- (iii) Trong kỳ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tăng khoản đầu tư vào Công ty TNHH Nhà nước Một Thành Viên Dệt 8-3 lên thêm 20.000 triệu VND thông qua việc điều chuyển nguyên trạng Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng, một chi nhánh phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho công ty này.
- (iv) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 15 công ty con cấp 1 (1/1/2015: 17 công ty con cấp 1) và 23 công ty liên kết (1/1/2015: 24 công ty liên kết). Các công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ là 91.698 triệu VND (1/1/2015: 91.698 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với giá trị là 35.806 triệu VND cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu đang có dấu hiệu giảm giá tại Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May Việt Nam, Công ty TNHH Nhà nước Một Thành Viên Dệt 8-3, Công ty Cổ phần SXKD Nguyên liệu Dệt May Việt Nam và Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM, chủ yếu do các công ty này bị lỗ trong giai đoạn trước cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho rằng việc không trích lập dự phòng đầu tư dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là do giá trị của các khoản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo quyết toán cổ phần hóa do Bộ Tài chính và Bộ Công thương phê duyệt, dự kiến trong Quý 4 năm 2015 theo quy định tại Công văn số 5084/BTC-TCDN ngày 17 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định về cổ phần hóa có liên quan. Theo đó, dựa trên quyết toán cổ phần hóa được phê duyệt, giá trị các khoản đầu tư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 sẽ được điều chỉnh lại tăng hoặc giảm so với giá trị ghi sổ kế toán tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong số lãi hoặc lỗ của đơn vị nhận đầu tư trong giai đoạn trước cổ phần hóa. Phần chênh lệch do đánh giá lại các khoản đầu tư tăng lên hoặc giảm đi sẽ được hạch toán điều chỉnh tương ứng vào khoản phải nộp hoặc phải thu Ngân sách Nhà nước tại ngày 1 tháng 1 năm 2015.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	41.177.272.735	27.724.000.066
Phải thu các khách hàng khác	17.726.265.407	42.037.113.456
	<hr/>	<hr/>
	58.903.538.142	69.761.113.522

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

**8. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn là các khoản cho các công ty liên quan vay với lãi suất dao động từ 0% đến 7,5% (2014: từ 0% đến 8%) một năm.

**9. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác:**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản phải thu về cổ phần hóa	4.886.992.648	4.733.401.262
Cổ tức phải thu	108.653.925.041	290.621.036.700
Tiền lãi cho vay	3.532.540.366	2.217.456.469
Lãi tiền gửi	8.742.865.555	
Phải thu từ bán khoản đầu tư	20.094.839.380	1.530.000.000
Phải thu khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai	22.500.000.000	22.500.000.000
Phải thu từ Công ty TNHH NN MTV Dệt 8-3 do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng	26.889.814.936	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	9.753.395.276	13.200.866.724
	<hr/>	<hr/>
	205.054.373.202	334.802.761.155

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu dài hạn khác:**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	5.329.439.859	5.311.153.500

**10. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	15.329.746.750	15.422.974.634
Công cụ và dụng cụ	329.727.664	221.916.605
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.170.133.119	3.942.776.536
Thành phẩm	6.457.028.104	13.335.340.829
Hàng hóa	344.897.220	114.984.622
Hàng gửi đi bán	2.326.396.882	2.195.114.824
	<b>29.957.929.739</b>	<b>35.233.108.050</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	410.527.409.906	375.622.528.489	29.847.466.114	24.061.739.110	840.059.143.619
Tăng do mua sắm trong kỳ	-	159.854.074	8.792.607.274	265.640.909	9.218.102.257
Thanh lý	-	(1.888.565.654)	-	(36.226.726)	(1.924.792.380)
Giảm do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng	(36.423.441.182)	(35.362.649.651)	(1.069.225.455)	(550.022.697)	(73.405.338.985)
Số dư cuối kỳ	374.103.968.724	338.531.167.258	37.570.847.933	23.741.130.596	773.947.114.511
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	157.399.083.500	231.734.110.027	11.369.472.800	7.102.394.446	407.605.060.773
Khấu hao trong kỳ	9.421.928.747	13.262.534.933	2.511.725.762	1.713.064.690	26.909.254.132
Thanh lý	-	(714.675.460)	-	(31.748.697)	(746.424.157)
Giảm do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng	(11.511.772.013)	(26.271.358.149)	(153.198.161)	(228.509.483)	(38.164.837.806)
Số dư cuối kỳ	155.309.240.234	218.010.611.351	13.728.000.401	8.555.200.956	395.603.052.942
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	253.128.326.406	143.888.418.462	18.477.993.314	16.959.344.664	432.454.082.846
Số dư cuối kỳ	218.794.728.490	120.520.555.907	23.842.847.532	15.185.929.640	378.344.061.569

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 134.375 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 14.038 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 248.762 triệu VND (1/1/2015: 263.816 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	62.544.728.600	600.350.000	63.145.078.600
Giảm do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng	-	(65.200.000)	(65.200.000)
Số dư cuối kỳ	62.544.728.600	535.150.000	63.079.878.600
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	8.754.276.160	573.938.878	9.328.215.038
Khấu hao trong kỳ	625.447.284	18.499.998	643.947.282
Giảm do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng	-	(65.200.000)	(65.200.000)
Số dư cuối kỳ	9.379.723.444	527.238.876	9.906.962.320
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	53.790.452.440	26.411.122	53.816.863.562
Số dư cuối kỳ	53.165.005.156	7.911.124	53.172.916.280

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 387 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: Không).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số [200/202]/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	56.159.731.797	72.282.441.172
Tăng trong kỳ/năm	279.480.422.762	211.330.823.822
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(195.580.430.352)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(31.873.102.845)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>335.640.154.559</b>	<b>56.159.731.797</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Nhà máy Sợi Phú Hưng	52.025.680.479	62.205.738
Nhà máy Sợi Nam Định	40.678.858.702	31.400.081.832
Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed	191.133.317.547	14.637.033.629
Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	28.071.247.799	4.236.079.178
Nhà máy Sợi Phú Cường	18.554.991.839	673.513.203
Khác	5.176.058.193	5.150.818.217
<b>Tổng cộng</b>	<b>335.640.154.559</b>	<b>56.159.731.797</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 271.230 triệu VND (1/1/2015: Không) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 863 triệu VND (2014: 1.974 triệu VND).

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	50.386.661.380	10.011.450.454	5.618.957.875	5.245.189.323	71.262.259.032
Tăng do mua sắm trong kỳ	-	1.260.446.967	-	912.215.909	2.172.662.876
Phân bổ trong kỳ	(1.156.226.622)	(2.498.536.457)	(280.947.894)	(3.035.200.858)	(6.970.911.831)
Giảm do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng	-	(2.832.730.144)	-	-	(2.832.730.144)
Số dư cuối kỳ	49.230.434.758	5.940.630.820	5.338.009.981	3.122.204.374	63.631.279.933

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	9.871.374.921	18.656.693.856
Phải trả người bán khác	15.735.126.032	13.158.874.144
	25.606.500.953	31.815.568.000

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

**16. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số phát sinh/đã thu được trong kỳ VND	Giảm do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hai Phòng VND	30/6/2015 VND
<b>Thuế</b>					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	368.785.643	81.600.165	(269.049.220)	-	181.336.588
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	368.785.643	81.600.165	(269.049.220)	-	181.336.588
Thuế nhà thầu	-	1.388.645.860	(1.260.859.709)	-	127.786.151
<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	1.388.645.860	(1.260.859.709)	-	127.786.151
Thuế xuất, nhập khẩu	180.191.331	-	-	-	180.191.331
<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	180.191.331	-	-	-	180.191.331
<b>Các khoản phải thu khác</b>					
Lợi nhuận nộp thừa phải thu từ Nhà nước	1.308.442.216	-	(1.308.442.216)	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	1.308.442.216	-	(1.308.442.216)	-	-
Khác	73.884.410	11.661.500	-	(73.884.410)	11.661.500
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	11.661.500	-	-	11.661.500
<i>Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hai Phòng</i>	73.884.410	-	-	(73.884.410)	-
	1.931.303.600	1.481.907.525	(2.838.351.145)	(73.884.410)	500.975.570



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	Giảm do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng VND	30/6/2015 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.075.005.255	6.571.690.323	(6.894.116.152)	(4.617.379.358)	-	1.135.200.068
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	2.862.367.278	1.976.090.745	(2.966.724.985)	(1.871.733.038)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	1.630.985.185	2.605.728.131	(1.630.985.185)	(2.605.728.131)	-	-
<i>Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i>	1.581.652.792	1.989.871.447	(2.296.405.982)	(139.918.189)	-	1.135.200.068
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	22.837.063.206	(22.837.063.206)	-	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	4.126.915.983	(4.126.915.983)	-	-	-
<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	18.710.041.006	(18.710.041.006)	-	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	-	106.217	(106.217)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.116.267.766	(1.116.267.766)	-	-	-
<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	1.116.267.766	(1.116.267.766)	-	-	-
Tiền thuê đất	-	2.757.959.535	(580.259.366)	-	-	2.177.700.169
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	2.283.623.535	(105.923.366)	-	-	2.177.700.169
<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	474.336.000	(474.336.000)	-	-	-
Các loại thuế khác	192.575.759	1.845.688.874	(1.948.228.738)	-	(4.908.000)	85.127.895
+ Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-	-
<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	192.575.759	1.841.688.874	(1.944.228.738)	-	(4.908.000)	85.127.895
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	167.973.515	1.744.106.020	(1.839.450.600)	-	-	72.628.935
<i>Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng</i>	4.908.000	-	-	-	(4.908.000)	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	19.694.244	96.449.352	(103.644.636)	-	-	12.498.960
<i>Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i>	-	1.133.502	(1.133.502)	-	-	-
	6.267.581.014	35.128.669.704	(33.375.935.228)	(4.617.379.358)	(4.908.000)	3.398.028.132

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Phí dịch vụ chuyên môn và phí tư vấn	1.948.000.000	2.513.000.000
Lãi vay	943.598.833	2.925.115.833
Tiền thuê đất phải trả (*)	28.934.496.000	29.408.832.000
Chi phí phải trả khác	1.296.629.502	3.750.027.481
	33.122.724.335	38.596.975.314

(\*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.822.629.313	1.303.392.995
Phải trả các công ty liên quan	1.303.060.667	1.513.735.695
Quỹ từ thiện	3.551.073.470	3.716.601.527
Phải trả về cổ phần hóa	5.449.245.603	5.449.245.603
Phải nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	53.360.027.051	353.193.338.011
Lợi nhuận năm 2014 phải nộp Nhà nước	147.127.495.818	157.056.922.034
Nhận đặt cọc theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại công ty con	-	219.208.552.560
Vốn được Ngân sách Nhà nước cấp cho mục đích đầu tư dự án (i)	84.689.591.180	-
Phải trả cho các trường đào tạo (ii)	68.455.091.012	68.455.091.012
Vốn giải ngân cho mục đích tăng đầu tư tại công ty con	5.995.534.038	-
Các khoản phải trả khác	51.702.193.044	2.335.558.832
	423.455.941.196	812.232.438.269



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Phản ánh khoản tiền nhận được từ Ngân sách Nhà nước cho mục đích đầu tư dự án. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được cấp theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận khoản tiền nhận được là một khoản phải trả do chưa có quyết định chính thức của các cơ quan có thẩm quyền về việc xử lý nguồn vốn được cấp từ Ngân sách Nhà nước này.
- (ii) Phải trả cho các trường đào tạo, là phần vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN, chi tiết như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex	57.447.120.513	57.447.120.513
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May		
Thời Trang Hà Nội	10.289.000.000	10.289.000.000
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex		
Thành phố Hồ Chí Minh	718.970.499	718.970.499
	<hr/>	<hr/>
	68.455.091.012	68.455.091.012
	<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay	1/1/2015		Biến động trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
(a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	46.302.456.929	46.302.456.929	304.349.106.447	(93.620.776.987)	257.030.786.389	257.030.786.389
Vay dài hạn đến hạn trả	13.298.775.000	13.298.775.000	-	(5.005.487.500)	8.293.287.500	8.293.287.500
	59.601.231.929	59.601.231.929	304.349.106.447	(98.626.264.487)	265.324.073.889	265.324.073.889

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty TNHH MTV Thương mại Thời Trang Dệt May Việt Nam	VND	8%	-	683.349.014
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	VND	11%	9.949.237.749	4.728.146.829
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế (ii)	VND	6%	-	32.171.120.603
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế (ii)	USD	3%	3.093.878.584	8.719.840.483
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	VND	6%	234.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	USD	2%	9.987.670.056	-
			257.030.786.389	46.302.456.929

(i) Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 56.471 triệu VND (1/1/2015: 60.433 triệu VND). Các tài sản này cũng dùng để thế chấp cho khoản vay dài hạn (Thuyết minh 19 (b)).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên (i)	2.495.000.000	5.645.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế - VND 1 (ii)	36.130.133.259	36.230.133.259
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế - VND 2 (ii)	1.327.954.320	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế - USD 1 (ii)	87.918.757.811	88.026.670.311
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế - USD 2 (ii)	10.579.756.563	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (iii)	40.457.272.526	40.957.272.526
Công ty TNHH Oktava Việt Nam	-	1.147.575.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn (iv)	91.680.000.000	91.680.000.000
Ngân hàng Quốc tế (v)	13.921.426.420	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh - VND (vi)	572.328.480	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh - USD (vi)	168.473.722.435	-
	<hr/>	<hr/>
	453.556.351.814	263.686.651.096
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 19(a))	(8.293.287.500)	(13.298.775.000)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	445.263.064.314	250.387.876.096

- (i) Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 34.884 triệu VND (1/1/2015: 39.329 triệu VND). Khoản vay này gồm hai khoản vay chịu lãi suất cố định lần lượt là 3% và 6,6% (2014: 3% và 6,6%) một năm và số dư còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được hoàn trả trong 4 kỳ hàng tháng, mỗi kỳ trả 630 triệu VND và trả toàn bộ số dư còn lại vào kỳ thanh toán cuối cùng.
- (ii) Các khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định của nhà máy Sợi Phú Hưng với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 209.432 triệu VND (1/1/2015: 164.054 triệu VND).
- Khoản vay 1 bằng VND chịu lãi suất cố định 8,5% (2014: 8,7%) một năm và số dư còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được hoàn trả trong 34 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả số tiền không đều nhau và trung bình là 1.063 triệu VND một kỳ.
  - Khoản vay 2 bằng VND chịu lãi suất cố định 8,5% một năm và chưa có lịch trả nợ cụ thể.
  - Khoản vay 1 bằng USD chịu lãi suất cố định 3,55% một năm và số dư còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được hoàn trả trong 34 kỳ hàng quý, mỗi kỳ số tiền không đều nhau và trung bình là 121.289 USD một kỳ.
  - Khoản vay 2 bằng USD chịu lãi suất cố định 3,3% một năm và chưa có lịch trả nợ cụ thể.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 56.472 triệu VND (1/1/2015: 60.433 triệu VND). Tài sản này cũng dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng này (Thuyết minh 16(a)). Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi. Trong kỳ, lãi suất của khoản vay dao động trong khoảng từ là 5,4% đến 8,4% (2014: 10,5% đến 13,5%) một năm và số dư còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được hoàn trả trong 18 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả số tiền không đều nhau và trung bình là 2.248 triệu VND.
- (iv) Khoản vay này được bảo đảm bằng 5.331.296 cổ phiếu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có giá trị ghi sổ là 91.698 triệu VND (1/1/2015: 91.698 triệu VND). Khoản vay này gồm hai khoản vay chịu lãi suất cố định lần lượt là 6% và 7,1% một năm và số dư còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được hoàn trả trong 18 kỳ nửa năm bắt đầu từ 31 tháng 10 năm 2015, mỗi kỳ trả 5.093 triệu VND và trả toàn bộ số dư còn lại vào kỳ thanh toán cuối cùng.
- (v) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị nhà máy May Vinatex Kiên Giang với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 28.071 triệu VND, chịu lãi suất cố định là 8% một năm và chưa có lịch trả nợ cụ thể.
- (vi) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 191.133 triệu VND. Trong đó, khoản vay bằng VND chịu lãi suất cố định 8,5% một năm, khoản vay bằng USD chịu lãi suất cố định 3,55% một năm. Hai khoản vay này chưa có lịch trả nợ cụ thể.

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	4.285.655.300.181	-	-	268.948.213.644	112.831.135.000	18.964.022.745	4.686.398.671.570
Tăng vốn góp do Ngân sách Nhà nước cấp cho một công ty con	9.733.598.438	-	-	-	-	-	9.733.598.438
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	(5.215.184.674)	-	(5.215.184.674)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(1.459.043.565)	(1.459.043.565)
Nộp Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	(112.831.135.000)	-	(112.831.135.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 – chưa soát xét</b>	4.295.388.898.619	-	-	268.948.213.644	(5.215.184.674)	17.504.979.180	4.576.626.906.769
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	4.299.595.911.499	-	730.315.739.393	-	-	-	5.029.911.650.892
Điều chuyển tăng vốn công ty cổ phần	700.404.088.501	29.911.650.892	(730.315.739.393)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	953.901.784	-	953.901.784
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	5.000.000.000.000	29.911.650.892	-	-	953.901.784	-	5.030.865.552.676

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	29/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Xem thuyết minh 20 để biết chi tiết biến động vốn cổ phần trong kỳ.

**22. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	30/6/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	124.400	2.668.986.626	44.783	957.309.986
EUR	206	5.005.252	212	5.113.187
		2.673.991.878		962.423.173



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	124.355.205.718	-
▪ Dịch vụ gia công	19.110.587.711	57.914.824.798
▪ Cung cấp dịch vụ	7.756.142.741	8.059.417.738
▪ Doanh thu cho thuê	12.234.195.410	8.143.394.667
▪ Khác	3.819.798.465	2.246.054.017
	<hr/> 167.275.930.045	<hr/> 76.363.691.220
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(46.352.636)	-
	<hr/> 167.229.577.409	<hr/> 76.363.691.220
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**24. Giá vốn hàng bán**

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Hàng hoá đã bán	99.092.929.041	-
Dịch vụ gia công	20.697.432.858	51.198.278.393
Dịch vụ đã cung ứng	27.231.296.070	9.091.983.301
	<hr/> 147.021.657.969	<hr/> 60.290.261.694
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lãi tiền gửi và cho vay	61.107.615.259	29.403.936.353
Cổ tức	-	28.926.186.120
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	7.500.563.358	10.073.618.467
Doanh thu hoạt động tài chính khác	219.450.590	-
	<hr/>	<hr/>
	68.827.629.207	68.403.740.940
	<hr/>	<hr/>

**26. Chi phí tài chính**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí lãi vay	8.994.927.977	13.100.770.539
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	531.505.775	48.818.182
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.923.530.683	-
Các chi phí tài chính khác	43.248.313	1.554.230.756
	<hr/>	<hr/>
	11.493.212.748	14.703.819.477
	<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Chi phí nhân công	15.304.485.775	17.732.009.991
Chi phí khấu hao và phân bổ	19.333.420.636	18.099.816.169
Chi phí thuế, phí và lệ phí	2.375.598.501	-
Chi phí điện, nước, điện thoại	4.659.236.998	2.349.618.675
Công tác phí	3.690.883.062	4.241.764.311
Chi phí thuê đất và nhà cửa	10.668.357.767	10.632.224.884
Chi phí nhiên liệu, bảo dưỡng xe	507.424.503	1.067.694.249
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.682.781.177	20.504.578.161
	<hr/>	<hr/>
	72.222.188.419	74.627.706.440

**28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	92.203.274.712	10.877.552.128
Chi phí nhân công	39.660.121.657	56.450.697.816
Chi phí khấu hao	27.553.201.414	24.632.808.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.646.455.966	16.531.403.420
Chi phí khác	25.308.743.998	31.745.592.367

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Thuế thu nhập**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	1.222.951.004	(5.215.184.674)
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	269.049.220	(1.147.340.628)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	-	1.147.340.628
	269.049.220	-

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2014 và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

## 30. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

STT	Đơn vị	Chi tiết doanh thu		Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	
		Tổng doanh thu Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015		
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ VND	Doanh thu hoạt động tài chính VND	Thu nhập khác VND	
1	Văn phòng Công ty mẹ Văn phòng Hà Nội Văn phòng Hồ Chí Minh	83.813.937.836 20.604.083.001	59.479.772.813 9.119.160.450	300 1.014.621	15.725.051.437 (1.371.498.090)
2	Các đơn vị phụ thuộc Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt may Phố Nối Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi Nhà máy Sợi Phú Hưng Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	6.264.352.135 19.933.058.523 106.311.338.886	1.048.780 2.812.787 223.372.095	4.000.056 866.010.661 409	(3.591.672.690) (7.555.817.567) (1.277.730.512)
3	<b>Tổng</b>	<b>236.928.232.663</b>	<b>68.827.629.207</b>	<b>871.026.047</b>	<b>953.901.784</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>Công ty TNHH NN MTV Dệt 8/3</b>		
Cung cấp dịch vụ	279.373.500	-
Đầu tư góp vốn	20.000.000.000	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hoá	3.624.614.321	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.282.323.000	961.742.250
Cho vay	17.500.000.000	-
Thu nhập tiền lãi	293.854.167	-
Đầu tư góp vốn	-	80.902.195.200
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</b>		
Thu nhập tiền lãi	-	1.999.861.110
<b>Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP</b>		
Cung cấp dịch vụ	321.000.000	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần May 10</b>		
Phí gia công	-	39.396.340.035
Cung cấp dịch vụ	82.500.000	-
Mua hàng hoá	736.799.000	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định</b>		
Cho vay	25.000.000.000	6.062.505.000
Thu nhập tiền lãi	1.903.171.389	908.300.212
<b>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</b>		
Cố tức	-	8.351.420.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Mua hàng hóa	3.997.295.825	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam</b>		
Thu nhập tiền lãi	754.166.668	754.166.668

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam</b>		
Thu nhập tiền lãi	1.976.944.445	1.824.627.272
Hoàn trả khoản vay	25.000.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	158.000.000	-
Thoái vốn	334.760.028.098	-
<b>Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam</b>		
Doanh thu cho thuê nhà	9.828.170.749	5.234.235.962
Thoái vốn	229.498.581.983	-
<b>Công ty Cổ phần May Hữu Nghị</b>		
Cổ tức	-	4.304.416.520
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo</b>		
Cổ tức	-	5.940.000.000
<b>Công ty Cổ phần May Bình Minh</b>		
Cổ tức	-	1.350.000.000
Bán hàng hoá	2.705.581.925	-
<b>Công ty Cổ phần May Đáp Cầu</b>		
Mua trái phiếu chuyển đổi	-	1.803.000.000
<b>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</b>		
Cổ tức	-	6.702.960.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam Định</b>		
Cổ tức	-	427.249.600
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	213.630.400
<b>Công ty Cổ phần Dệt Vinh Phú</b>		
Cổ tức	-	82.500.000
<b>Công ty Cổ phần May Nam Định</b>		
Cổ tức	-	180.000.000
<b>Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu</b>		
Cổ tức	-	712.800.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phước Long</b>		
Cổ tức	-	874.840.000
Thoái vốn	14.812.767.335	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Cung cấp dịch vụ	18.394.622.577	12.026.511.606
<b>Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông phương</b>		
Mua dịch vụ	5.995.534.038	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát triển Vinatex</b>		
Cung cấp dịch vụ	301.810.500	296.100.000
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Cung cấp dịch vụ	904.988.000	922.404.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt Kim Vinatex</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.902.190.500	1.649.553.500
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh</b>		
Bán hàng hóa	9.979.360.776	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex</b>		
Cung cấp dịch vụ	118.797.750	117.243.750



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng</b>		
Tăng các khoản phải thu ngắn hạn	15.042.911.253	-
Giảm tài sản ngắn hạn khác	273.884.410	-
Giảm tài sản cố định hữu hình – giá trị còn lại	35.240.501.179	-
Tăng đầu tư vào công ty con	20.000.000.000	-
Giảm chi phí trả trước dài hạn	2.832.730.144	-
Giảm vay ngắn hạn	1.147.575.000	-
Giảm các khoản nợ ngắn hạn khác	3.899.252.550	-
<b>Thay đổi khác</b>		
Điều chuyển tăng vốn cổ phần từ vốn khác	700.404.088.501	-
Điều chuyển tăng thặng dư vốn cổ phần từ vốn khác	29.911.650.892	-
Đối trừ khoản tiền đã nhận đặt cọc trong năm trước với khoản đầu tư vào công ty con liên quan đến việc chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần thuộc sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May cho một bên đối tác	219.208.552.560	-
Tăng đầu tư dài hạn khác do cổ tức được trả bằng cổ phiếu	-	640.880.000
Tăng vốn góp do Ngân sách Nhà nước cấp vốn cho một công ty con	-	9.733.598.438

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán riêng**

	<b>1/1/2015 (phân loại lại) VND</b>	<b>1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	216.252.500.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	216.252.500.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	214.584.388.608	-
Phải thu ngắn hạn khác	334.802.761.155	547.373.661.825
Tài sản ngắn hạn khác	-	2.013.487.938
Phải thu dài hạn khác	5.905.439.859	594.286.359
Tài sản dài hạn khác	-	5.311.153.500
Chi phí phải trả ngắn hạn	38.596.975.314	35.671.859.481
Phải trả ngắn hạn khác	812.232.438.269	815.157.554.102

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Người lập:

Đặng Thị Hải  
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:

Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc